

Bản án số 20/2025/DS-PT

Ngày 15 – 01 – 2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn

Ông Vũ Việt Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngô Khánh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15-01-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý 113/2024/TLPT-DS ngày 16-10-2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 19-8-2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 286/2024/QĐ-PT ngày 12-12-2024; giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Lan H**, sinh năm 1981; Địa chỉ: A Hải Phòng, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Mai Duy P; sinh năm: 1984; Địa chỉ: C N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; theo Giấy uỷ quyền lập ngày 05-01-2024 tại Văn phòng C, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Quốc V; Luật sư của Công ty L1; địa chỉ: H N, quận H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H1**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Căn hộ T, khu B căn A, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Số A đường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

* *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – Bà Bùi Thị Lan H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn - bà Bùi Thị Lan H và người đại diện theo ủy quyền trình bày tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Trước đây giữa bà Bùi Thị Lan H và bà Nguyễn Thị Thu H1 có quan hệ mượn tiền với nhau để phục vụ cho việc buôn bán làm ăn và trang trải cuộc sống của mỗi bên. Theo đó, bà Thu H1 có cho bà Lan H mượn tiền và bà Lan H cũng có cho bà T H mượn lại khi mỗi bên cần sự chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau.

Trong thời gian từ ngày 02-01-2022 đến ngày 16-12-2022, bà Bùi Thị Lan H có chuyển khoản cho bà Nguyễn Thị Thu H1 mượn với tổng số tiền là 1.274.280.000đ. Giữa hai bên có thỏa thuận miệng là khi nào bà Lan H cần thì bà T H phải trả lại tiền cho bà Lan H. Tuy nhiên, thời gian qua, dù đã nhiều lần yêu cầu trả tiền, nhưng bà Thu H1 vẫn chây ỳ, trốn tránh không trả, gây khó khăn cho bà Lan H trong việc thu hồi vốn làm ăn và trang trải cuộc sống. Vừa qua, bà Thu H1 có khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, yêu cầu bà Lan H trả cho bà số tiền là 500.000.000đ. Tháng 03-2023, bà Lan H có yêu cầu phản tố, đề nghị Tòa án xem xét buộc bà Thu H1 phải trả cho bà Lan H số tiền 1.274.280.000đ và đối trừ với số tiền bà Lan H mượn bà Thu H1. Tuy nhiên, do lúc ấy bà Lan H đang làm ăn ở xa, không có mặt tại địa phương nên đã không nhận được kịp thời thông tin về vụ kiện, từ đó yêu cầu phản tố của bà Lan H gửi cho Tòa án không đúng theo thời hạn và trình tự thủ tục luật định nên chưa được Tòa án xem xét giải quyết chung với vụ án mà được đề nghị khởi kiện bằng một vụ án dân sự riêng.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H1 buộc bà Bùi Thị Lan H phải trả số tiền gốc 266.000.000đ và lãi tạm tính từ 10-12-2021 đến 10-12-2023 là 53.184.000đ, tổng cộng 319.184.000đ. Bà Lan H không đồng ý bởi lẽ: Giấy mượn tiền lập ngày 10-12-2021 có chữ ký của bà Lan H nhưng bà chưa nhận được tiền của bà Thu H1 giao cho bà, khi lập giấy này bà T H1 có nói với bà Lan H ký trước rồi sẽ xoay tiền để giao nhưng bà Thu H1 không thực hiện. Khi không nhận được tiền từ bà Thu H1, bà Lan H yêu cầu bà Thu H1 huỷ giấy này. Vì bận công việc cuộc sống mua bán làm ăn nên thời gian sau, bà Lan H đã quên không nhắc nhở đôn đốc về việc này đồng thời tin tưởng bà Thu H1 đã huỷ giấy mượn tiền.

Nay bà Bùi Thị Lan H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho bà Bùi Thị Lan H số tiền gốc: 1.274.280.000đ.

- Buộc bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả cho bà Bùi Thị Lan H số tiền lãi chậm trả tạm tính từ tháng 03-2023 đến 08-2024 (17 tháng) $1.274.280.000đ \times 0,83\%/tháng \times 17 \text{ tháng} = 179.800.908đ$.

Như vậy, tổng cộng bà Thu H1 phải trả cho bà Lan H số tiền là 1.454.080.908đ.

Yêu cầu Tòa án bác yêu cầu phản tố của bà Thu H1 buộc bà Lan H phải trả số tiền gốc 266.000.000đ và lãi tạm tính từ ngày 10-12-2021 đến 10-12-2023 là 53.184.000đ, tổng cộng 319.184.000đ.

** Bị đơn - bà Nguyễn Thị Thu H1 trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Bà và bà Bùi Thị Lan H có mối quan hệ quen biết, hàng xóm rất thân thiết với nhau 15 năm. Bà và bà Lan H đã rất nhiều lần cùng tham gia vào các hội chơi biêu, hụi; nhiều lần bà Lan H còn vay tiền của bà và rất nhiều người khác. Vì tin tưởng nên khi bà Lan H đề cập vay tiền của bà nhiều lần để làm ăn thì bà đồng ý cho bà Lan H vay tiền. Khi bà Lan H vay tiền của bà thì những khoản tiền lớn sẽ viết giấy mượn tiền, những khoản nhỏ chỉ trao đổi miệng với nhau và bà đưa tiền mặt hoặc là chuyển khoản cho bà Lan H.

Có hai lần bà Bùi Thị Lan H viết giấy mượn tiền: Ngày 10-12-2021 bà Lan H viết giấy vay của bà số tiền 266.000.000đ, ngày 22-5-2022 bà Lan H đã viết giấy mượn tiền, xác nhận có nợ của bà số tiền 500.000.000đ.

Bà đã khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu buộc bà Bùi Thị Lan H phải hoàn trả lại cho bà số tiền 500.000.000đ và đã được Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử bằng bản án số 11/2023/DSST ngày 03-4-2023 buộc bà Bùi Thị Lan H phải trả cho bà số tiền 500.000.000đ. Sau đó, tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, vì nghĩ tình cảm bấy lâu nên bà và phía đại diện của bà Lan H có thỏa thuận bà đồng ý cho bà Lan H trả số tiền 400.000.000đ mà thôi. Đối với số nợ 266.000.000đ bà chưa khởi kiện vì tại thời điểm đó bà chưa tìm ra giấy mượn tiền.

Bà thừa nhận số tài khoản ngân hàng số 3040110456002 mang tên Nguyễn Thị Thu H1 tại Ngân hàng TMCP Q là của bà và bà cũng xác nhận sự việc bà Bùi Thị Lan H chuyển khoản cho bà nhiều lần với số tiền 1.274.280.000đ, đồng thời bà cũng chuyển khoản đến các tài khoản của bà Lan H nhiều lần. Số tiền bà Lan H chuyển khoản này hoàn toàn không phải là tiền bà vay mượn của bà Lan H mà đây là tiền chuyển khoản với 2 nội dung như sau: Thứ nhất, đó tiền góp chơi biêu, hụi giữa bà và bà Lan H. Thứ hai, đó là những khoản tiền nhỏ bà Lan H mượn của bà, bà đưa tiền mặt hoặc chuyển khoản cho bà Lan H, sau đó bà Lan H chuyển khoản vào tài khoản của bà để trả. Tiền chơi biêu, hụi và những khoản tiền vay mượn nhỏ này thì đã giải quyết xong.

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Bà có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn bà Bùi Thị Lan H như sau:

Vào ngày 12-10-2021, bà Bùi Thị Lan H đã mượn của bà số tiền là 266.000.000đ. Khoản nợ này bà chưa từng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết nên nay bà có yêu cầu phản tố buộc bà Lan H có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc là 266.000.000đ.

Bà xin rút một phần yêu cầu phản tố đối với yêu cầu tiền lãi 53.184.000đ.

** Người làm chứng - bà Nguyễn Thị L trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:* Bà có quen biết bà Bùi Thị Lan H vì là hàng xóm của nhau, bà Lan H đã nhiều lần vay mượn tiền của bà nhưng cố tình không trả và hiện đã bỏ trốn. Ngoài ra giữa bà và bà Bùi Thị Lan H, Nguyễn Thị Thu H1 có chơi biêu hụi với nhau vào năm 2022, tiền biêu hụi này đã kết thúc rồi. Bà còn được biết bà Lan H đã vay nợ rất nhiều người trong xóm nhưng không trả.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 19-8-2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:*

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 200, 202, 235, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 280, 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Lan H đối với bà Nguyễn Thị Thu H1 về việc: Yêu cầu bà Thu H1 trả cho bà Lan H số tiền 1.454.080.908đ (trong đó tiền gốc là 1.274.280.000đ và tiền lãi 179.800.908đ).

II. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với bà Bùi Thị Lan H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

1. Buộc bà Bùi Thị Lan H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H1 số tiền 266.000.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 về yêu cầu trả số tiền lãi 53.184.000đ.

III. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Bùi Thị Lan H phải chịu 68.922.000đ.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H1 7.980.000đ tạm ứng án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

** Đơn kháng cáo:*

Ngày 23-8-2024, bà Bùi Thị Lan H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Thu H1 phải trả cho bà Lan H số tiền 1.454.080.908đ bao gồm tiền gốc là 1.274.280.000đ, tiền lãi 179.800.908đ và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Thu H1 buộc bà Lan H phải trả cho bà Thu H1 số tiền 266.000.000đ.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Huỷ một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 19-8-2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu do bà Bùi Thị Lan H rút một phần đơn khởi kiện; Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo do bà Lan H rút một phần đơn kháng cáo; Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Lan H về số tiền yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả số tiền gốc là 1.084.280.000đ, tiền lãi là 188.990.000đ, tổng cộng 1.273.270.000đ do không có căn cứ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của bà Bùi Thị Lan H rút một phần đơn kháng cáo về việc đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H1 buộc bà Lan H phải trả cho bà Thu H1 số tiền 266.000.000đ. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo này của bà Lan H. Phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 19-8-2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng về chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với bà Bùi Thị Lan H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; buộc bà Lan H có nghĩa vụ trả cho bà T H số tiền 266.000.000đ có hiệu lực pháp luật.

Đồng thời, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Bùi Thị Lan H cũng rút một phần đơn khởi kiện, nay bà Lan H yêu cầu bà Thu H1 trả số tiền gốc là 1.084.280.000đ và tiền lãi tính từ tháng 3-2023 đến tháng 12-2024, lãi suất 10%/năm là 188.990.000đ; tổng cộng 1.273.270.000đ. So với số tiền yêu cầu ban đầu thì bà Lan H rút một phần đơn khởi kiện là 180.810.908đ. Việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm đã được bị đơn đồng ý nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và huỷ một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền nguyên đơn khởi kiện đã rút là 180.810.908đ theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 299 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Lan H:

Bà Bùi Thị Lan H khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu H1 yêu cầu bà Thu H1 trả số tiền gốc là 1.084.280.000đ mà bà Lan H đã chuyển khoản cho bà Thu H1 mượn trong khoảng thời gian từ ngày 02-01-2022 đến ngày 16-12-2022. Đồng thời bà Lan H còn yêu cầu tiền lãi tính từ tháng 3-2023 đến tháng 12-2024, lãi suất 10%/năm là 188.990.000đ; tổng cộng 1.273.270.000đ. Chứng cứ khởi kiện của bà Lan H là chứng từ sao kê tài khoản Ngân hàng.

Căn cứ các chứng từ sao kê tài khoản Ngân hàng TMCP N và Ngân hàng TMCP K mà bà Bùi Thị Lan H cung cấp thì thấy các lần chuyển tiền của bà Lan H cho bà Thu H1 đều không ghi nội dung, mục đích chuyển khoản. Đồng thời, bà Lan H không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ gì như tin nhắn hoặc ghi âm để dẫn chiếu đến nội dung các giao dịch chuyển tiền trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xác định việc bà Lan H chuyển tiền qua tài khoản Ngân hàng cho bà T H là quan hệ vay mượn tiền. Đối với số tiền mà bà Lan H chuyển khoản cho bà Thu H1 có ghi nội dung giao dịch như: “*chuyen tien hang*”, “*Chi gop ngay*” “*Chi gop ngay ... loi 10 ngay*”, “*Chi gop ngay 2 3 loi 10 ngay tra e m5tr*” ... thì bà Lan H đã rút yêu cầu như đã đề cập ở trên. Ngoài ra, tại hồ sơ vụ án thể hiện việc bà Lan H vay mượn tiền của bà Thu H1 các khoản tiền 500.000.000đ (tại bản án đã có hiệu lực pháp luật) và khoản tiền 266.000.000đ (trong vụ án này đã được bà Lan H thừa nhận và rút kháng cáo) đều được thể hiện bằng giấy vay mượn tiền nhưng ngược lại, khi bà Thu H1 vay mượn số tiền 1.084.280.000đ của bà Lan H mà lại không viết giấy tờ gì là không hợp lý.

Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn khởi kiện cũng như đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Lan H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 phải trả số tiền vay mượn là 1.084.280.000đ, đồng thời không chấp nhận yêu cầu tính lãi phát sinh từ số tiền này. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Lan H đối với bà Thu H1 là đúng pháp luật*”.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm bà Bùi Thị Lan H phải chịu 300.000đ do không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn - bà Bùi Thị Lan H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đã tuyên tại bản án sơ thẩm mặc dù đã rút một phần đơn khởi kiện tại giai đoạn xét xử phúc thẩm.

[4] Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp các tình tiết khách quan của vụ án và quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 148, Khoản 3 Điều 289, Điều 293, điểm b Khoản 1 Điều 299, Khoản 1 Điều 308, các Điều 311, 312, 313 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 274, 280, 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Huỷ một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 19-8-2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng và đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Lan H đối với số tiền đã rút là 180.810.908đ.

II. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo của bà Bùi Thị Lan H về số tiền 266.000.000đ phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H1.

III. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Bùi Thị Lan H;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 19-8-2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” của bà Bùi Thị Lan H yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H1 trả số tiền gốc là 1.084.280.000đ và tiền lãi là 188.990.000đ, tổng cộng 1.273.270.000đ.

IV. Phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2024/DS-ST ngày 19-8-2024 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng không kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật gồm:

“Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H1 đối với bà Bùi Thị Lan H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

1. Buộc bà Bùi Thị Lan H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H1 số tiền: 266.000.000đ (*hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H1 về yêu cầu trả số tiền lãi 53.184.000đ.”

V. Án phí:

1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Lan H phải chịu 68.922.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 25.114.000đ đã nộp theo Biên lai thu số 0002440 ngày 24-11-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Bùi Thị Lan H còn phải tiếp tục nộp số tiền 43.808.000đ (*bốn mươi ba triệu tám trăm lẻ tám nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H1 7.980.000đ (*bảy triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000538 ngày 11-3-2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Lan H phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0008751 ngày 05-9-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

VI. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Thành phố Đà Nẵng;
- TAND Q. Liên Chiểu, TPĐN;
- Chi cục THADS Q. Liên Chiểu, TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai